

Bản án số: 159/2022/DS-ST

Ngày: 08/9/2022

V/v: *Tranh chấp đòi lại tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Như Thương;
2. Ông Bùi Văn Chiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2021 về “Tranh chấp đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2022/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2022/QĐST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1971; địa chỉ: đường Y, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Tuấn A, sinh năm: 1970; địa chỉ: Liên khu A, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 027845 quyền số 12/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 08/12/2020 lập tại Văn phòng công chứng Tân Phú) – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 1961 và bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm: 1970; địa chỉ: đường H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Nguyễn Văn Q có cho bà Nguyễn Thị Ngọc H1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 mượn số tiền 1.070.000.000 đồng. Ông Q đã nhiều lần yêu cầu bà H1, bà H2 trả cho Ông Q số tiền trên nhưng hai bà không thực hiện.

Ngày 28/7/2020, bà H1, bà H2 tự tay viết giấy cam kết trả nợ và ký tên với nội dung: bà H1, bà H2 có nợ Ông Q số tiền 1.070.000.000 đồng và sẽ trả dần cho Ông Q số tiền 6.000.000 đồng/quý (03 tháng) cho đến khi hết số nợ trên. Nếu không thực hiện đúng cam kết thì Ông Q được quyền yêu cầu bà H1, bà H2 thanh toán một lần số nợ còn thiếu.

Đến nay, bà H1, bà H2 không thực hiện cam kết và bỏ đi khỏi nơi cư trú, Ông Q đã nhiều lần liên hệ, tìm kiếm nhưng không gặp.

Ngày 22/12/2020, Ông Q đã gửi thông báo thanh toán tiền nợ cho bà H1, bà H2 yêu cầu hoàn trả toàn bộ số nợ trong thời hạn 15 ngày, nhưng hết thời hạn nói trên hai bà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

** Theo đơn khởi kiện nộp ngày 22/03/2021, bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 10/6/2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Đỗ Anh Tuấn – yêu cầu Tòa án:*

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ngọc H2 hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ là 1.070.000.000 đồng.

** Đối với bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ngọc H2:* Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo mở phiên họp về kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, ... nhưng bà H1, bà H2 vẫn vắng mặt không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Đỗ Anh T: Vắng mặt và có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn – bà Nguyễn Thị Ngọc H1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2: Vắng mặt.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán chưa đảm bảo về thời hạn tổng đạt thông báo thụ lý, thời hạn đưa vụ án ra xét xử,

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Q, buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền nợ gốc là 1.070.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

** Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, bà Nguyễn Thị Ngọc H2 có ký Giấy cam kết trả nợ ngày 28/7/2020 với ông Nguyễn Văn Q. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định, Ông Q và bà H1, bà H2 có xác lập giao dịch dân sự. Ông Q khởi kiện yêu cầu bà H1, bà H2 hoàn trả tiền nên đây là tranh chấp đòi lại tài sản.

Theo kết quả xác minh của Công an Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh:

- *Đương sự Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1970 có hộ khẩu thường trú tại 382 đường Hàn Hải Nguyên, Phường 1, Quận 11; Chỗ ở hiện tại: B1/7 thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh...”:*

- *Đương sự Nguyễn Thị Ngọc H1, sinh năm: 1961 có hộ khẩu thường trú tại 382 đường Hàn Hải Nguyên, Phường 1, Quận 11, hiện không thực tế tại địa phương, đi đâu không rõ, không cập nhật được nơi ở hiện tại;*

Theo kết quả xác minh của Công an thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh: *Đương sự Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm: 1970 hiện không có đăng ký thường trú hay đăng ký tạm trú tại địa chỉ: B1/7 tổ 1, KP2 thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện bà H2 cũng không có thực tế cư trú.*

Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà H1, bà H2 có nơi cư trú cuối cùng tại địa chỉ: đường H, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; bà H1, bà H2 là người phải thực hiện nghĩa vụ với Ông Q nhưng bà H1, bà H2 thay đổi nơi cư trú không báo cho Ông Q nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/7/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Do đó vụ án dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra tại phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 10/6/2022, các đương sự không bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

Ông Nguyễn Văn Q yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ngọc H2 hoàn trả số tiền nợ là 1.070.000.000 đồng.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, Giấy cam kết trả nợ ngày 28/7/2020 có nội dung: *Trước đây chúng tôi có nợ của ông Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1971; địa chỉ: đường Y, phường T, Quận P, Thành phố Hồ Chí Minh số tiền là: 1.070.000.000 (một tỷ không trăm bảy mươi triệu đồng. Nay do hoàn cảnh khó khăn chúng tôi chưa có khả năng hoàn trả đủ một lần số tiền nợ trên cho Ông Q. Chúng tôi xin cam kết sẽ thanh toán dần số nợ: mỗi quý (03 tháng) là 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).*

Sau đó, bà H1, bà H2 không thanh toán theo cam kết đã ký, Ông Q đã gửi thông báo đòi nợ cho hai bà theo quy định của pháp luật. Hết hạn thông

báo, bà H1, bà H2 không hoàn trả đúng hạn là vi phạm thỏa thuận tại Giấy cam kết trả nợ ngày 28/7/2020.

Căn cứ khoản 1 Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Chủ sở hữu, chủ thể có quyền khác đối với tài sản có quyền đòi lại tài sản từ người chiếm hữu, người sử dụng tài sản, người được lợi tài sản không có căn cứ pháp luật*”;

Căn cứ khoản 1 Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định: “*Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận*”, Hội đồng xét xử xét thấy việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền 1.070.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho ông Nguyễn Văn Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 91, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 244, Điều 271, Điều 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 166, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.

Buộc bà Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ngọc H2 có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 1.070.000.000 (một tỷ không trăm bảy mươi triệu) đồng.

Thanh toán một lần sau khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Việc thi hành án được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 09/9/2022 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ngọc H2 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Ngọc H1, Nguyễn Thị Ngọc H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 44.100.000 (bốn mươi bốn triệu một trăm nghìn) đồng.

Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 22.050.000 (hai mươi hai triệu không trăm năm chục nghìn) đồng theo Biên lai thu số AA/2019/0052827 ngày 08/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Ngọc Diệp